

Số: 686 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Dược

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-DHN ngày 11/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng năm 2018;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng năm 2018 họp ngày 12/6/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2018 cho 306 sinh viên (có danh sách kèm theo Quyết định này). Trong đó:

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Xếp hạng xuất sắc: | 26 sinh viên |
| - Xếp hạng giỏi: | 88 sinh viên |
| - Xếp hạng khá: | 161 sinh viên |
| - Xếp hạng trung bình: | 31 sinh viên |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng ĐT, QLSV, KT&KĐCL, CTCT, TCKT, HCTH và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Bình

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NGÀNH DƯỢC

(Kèm theo Quyết định số: 686 /QĐ-DHN, ngày 13 tháng 6 năm 2018)

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
1	1301456	Đào Thị Thanh Tuyền	Nữ	05/09/1995	Hải Hưng	Xuất sắc
2	1301303	Lương Thùy Nhung	Nữ	22/11/1995	Hải Dương	Xuất sắc
3	1301286	Ngô Thị Thanh Nga	Nữ	01/06/1995	Hà Bắc	Xuất sắc
4	1301056	Nguyễn Thị Dung	Nữ	18/01/1995	Thái Bình	Xuất sắc
5	1301146	Đào Cẩm Hiếu	Nữ	16/08/1995	Hung Yên	Xuất sắc
6	1301064	Trần Thanh Duyên	Nữ	02/09/1995	Nam Định	Xuất sắc
7	1301301	Đỗ Thị Nhung	Nữ	12/09/1995	Hải Dương	Xuất sắc
8	1301209	Lê Thu Hường	Nữ	09/10/1995	Hung Yên	Xuất sắc
9	1301232	Đặng Thuỳ Linh	Nữ	29/08/1995	Hà Nam	Xuất sắc
10	1301489	Nguyễn Thị Yến	Nữ	27/03/1995	Bắc Ninh	Xuất sắc
11	1301185	Trần Minh Huệ	Nữ	08/03/1995	Hải Phòng	Xuất sắc
12	1301251	Phạm Thị Thanh Loan	Nữ	21/09/1995	Hà Tây	Xuất sắc
13	1301337	Vũ Thị Kim Phượng	Nữ	28/06/1995	Nam Định	Xuất sắc
14	1301158	Trần Thị Hoa	Nữ	26/08/1995	Hải Dương	Xuất sắc
15	1301368	Đỗ Thị Thanh	Nữ	30/01/1995	Hung Yên	Xuất sắc
16	1301047	Trần Văn Dân	Nam	22/09/1995	Bắc Giang	Xuất sắc
17	1301057	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	10/10/1995	Hà Tây	Xuất sắc
18	1301193	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	26/09/1995	Nam Định	Xuất sắc
19	1301326	Lê Thị Quỳnh Phương	Nữ	21/10/1995	Hải Hưng	Xuất sắc
20	1301437	Ngô Huy Trung	Nam	10/10/1995	Thanh Hóa	Xuất sắc
21	1301144	Cao Minh Hiếu	Nam	15/09/1995	Nghệ An	Xuất sắc
22	1301392	Trịnh Hồng Thịnh	Nữ	05/06/1995	Thanh Hóa	Xuất sắc
23	1301080	Tạ Thị Anh Đào	Nữ	17/11/1995	Hung Yên	Xuất sắc
24	1301178	Nguyễn Văn Huân	Nam	04/10/1995	Hung Yên	Xuất sắc
25	1301206	Trần Thị Hương	Nữ	29/04/1995	Nam Định	Xuất sắc
26	1301279	Lê Đức Mười	Nam	15/02/1995	Nghệ An	Xuất sắc
27	1301129	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	24/09/1995	Hà Tây	Giỏi
28	1301482	Trần Khánh Vy	Nữ	20/05/1995	Quảng Ninh	Giỏi
29	1301322	Bùi Bích Phương	Nữ	23/06/1995	Hung Yên	Giỏi
30	1301393	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Nữ	16/06/1995	Nghệ An	Giỏi
31	1301024	Tô Thu Ba	Nữ	16/12/1995	Hải Dương	Giỏi
32	1301252	Trần Tổ Loan	Nữ	28/05/1995	Hà Nội	Giỏi
33	1301351	Lê Ngọc Quỳnh	Nữ	17/05/1995	Quảng Ninh	Giỏi
34	1301205	Phạm Thị Thu Hương	Nữ	01/03/1995	Nam Định	Giỏi
35	1301079	Phan Anh Đào	Nữ	21/04/1995	Hà Nội	Giỏi
36	1301470	Hoàng Ánh Vân	Nữ	18/08/1995	Hà Tây	Giỏi
37	1301370	Trương Thị Thanh Thanh	Nữ	07/10/1995	Hà Tĩnh	Giỏi

2/2

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
38	1301092	Trần Thị Hải Đường	Nữ	14/01/1995	Nghệ An	Giỏi
39	1301323	Chu Thị Kim Phương	Nữ	19/08/1995	Thái Bình	Giỏi
40	1301383	Trương Thị Thảo	Nữ	25/02/1995	Nghệ An	Giỏi
41	1301097	Nguyễn Huỳnh Đức	Nam	11/10/1995	Hà Tĩnh	Giỏi
42	1301325	Lê Thị Phương	Nữ	11/09/1995	Vĩnh Phú	Giỏi
43	1301070	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	06/11/1995	Hà Tây	Giỏi
44	1301112	Trần Thu Hà	Nữ	04/08/1995	Nam Định	Giỏi
45	1301284	Hoàng Thị Phương Nga	Nữ	03/02/1994	Nghệ An	Giỏi
46	1301404	Hoàng Phương Thúy	Nữ	15/07/1995	Nghệ An	Giỏi
47	1301452	Đỗ Thị Tung	Nữ	30/10/1995	Hà Tây	Giỏi
48	1301058	Phạm Thị Kiều Dung	Nữ	14/04/1995	Hòa Bình	Giỏi
49	1301085	Trịnh Viết Đạt	Nam	10/01/1995	Hà Tây	Giỏi
50	1301119	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	07/12/1995	Hà Nội	Giỏi
51	1301321	Chu Văn Phòng	Nam	24/08/1995	Vĩnh Phú	Giỏi
52	1301360	Nguyễn Văn Sơn	Nam	16/09/1995	Hà Tĩnh	Giỏi
53	1301189	Diêm Thị Mến Huyền	Nữ	21/08/1995	Bắc Giang	Giỏi
54	1301417	Vũ Mạnh Tiến	Nam	11/06/1995	Bắc Ninh	Giỏi
55	1301019	Phạm Thị Mai Anh	Nữ	11/02/1995	Hải Phòng	Giỏi
56	1301396	Phan Thị Thu	Nữ	28/11/1995	Nghệ An	Giỏi
57	1301473	Chu Phùng Ngọc Việt	Nam	23/10/1995	Hưng Yên	Giỏi
58	1301164	Hồ Xuân Hoàng	Nam	06/09/1995	Nghệ An	Giỏi
59	1301253	Man Thanh Long	Nam	19/09/1995	Hưng Yên	Giỏi
60	1301109	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	29/09/1995	Hà Tây	Giỏi
61	1301180	Biện Thị Mai Huệ	Nữ	05/10/1995	Hà Tĩnh	Giỏi
62	1301199	Hoàng Thị Lan Hương	Nữ	11/11/1994	Thái Bình	Giỏi
63	1301037	Đinh Thị Chi	Nữ	24/10/1995	Hà Tây	Giỏi
64	1301090	Bùi Quang Đông	Nam	21/10/1995	Hà Tĩnh	Giỏi
65	1301067	Đỗ Thế Dương	Nam	23/07/1995	Nam Định	Giỏi
66	1301202	Nguyễn Thu Hương	Nữ	26/09/1995	Hà Nội	Giỏi
67	1301291	Nguyễn Bảo Ngọc	Nam	04/06/1995	Hà Tây	Giỏi
68	1301300	Dương Thị Hồng Nhung	Nữ	13/08/1995	Bắc Ninh	Giỏi
69	1301122	Bùi Phương Hạnh	Nữ	17/10/1994	Bắc Giang	Giỏi
70	1301468	Bùi Thị Thu Uyên	Nữ	09/09/1995	Nghệ An	Giỏi
71	1301137	Trịnh Thị Hằng	Nữ	20/12/1995	Thanh Hóa	Giỏi
72	1301101	Phạm Hữu Đức	Nam	24/08/1995	Nam Định	Giỏi
73	1301394	Nguyễn Thị Thoi	Nữ	18/03/1995	Hải Hưng	Giỏi
74	1301484	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	30/09/1995	Hà Nội	Giỏi
75	1301114	Vũ Việt Hà	Nữ	04/08/1995	Thanh Hóa	Giỏi
76	1301141	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	10/11/1995	Nghệ An	Giỏi
77	1301324	Lê Thị Phương	Nữ	28/10/1995	Thanh Hóa	Giỏi
78	1301399	Mai Thị Thương	Nữ	16/10/1994	Thanh Hóa	Giỏi
79	1301488	Dương Hải Yến	Nữ	25/10/1995	Thái Bình	Giỏi
80	1301131	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	01/06/1995	Nam Định	Giỏi
81	1301156	Lê Thị Hoa	Nữ	25/01/1995	Nghệ An	Giỏi

26

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
82	1301196	Mai Quang Hưng	Nam	07/02/1995	Bắc Ninh	Giỏi
83	1301099	Nguyễn Tín Đức	Nam	09/05/1995	Lào Cai	Giỏi
84	1301264	Nguyễn Thị Lý	Nữ	12/02/1994	Thanh Hóa	Giỏi
85	1301120	Phạm Thị Hải	Nữ	17/07/1995	Quảng Ninh	Giỏi
86	1301312	Lê Hồng Oanh	Nữ	05/11/1995	Quảng Ninh	Giỏi
87	1301313	Lê Thị Oanh	Nữ	16/01/1995	Hải Phòng	Giỏi
88	1301384	Trương Thị Thanh Thảo	Nữ	16/10/1995	Nam Định	Giỏi
89	1301104	Vũ Thị Thu Giang	Nữ	13/08/1995	Hà Tây	Giỏi
90	1301192	Lương Thị Thanh Huyền	Nữ	03/09/1995	Thái Bình	Giỏi
91	1301305	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	27/01/1995	Nghệ An	Giỏi
92	1301348	Võ Thị Tú Quyên	Nữ	27/05/1995	Nghệ An	Giỏi
93	1301240	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	09/10/1995	Hà Nội	Giỏi
94	1301126	Tạ Thị Mai Hạnh	Nữ	01/08/1995	Vĩnh Phúc	Giỏi
95	1301386	Vũ Quang Thái	Nam	03/05/1995	Hải Phòng	Giỏi
96	1301479	Đỗ Thị Vinh	Nữ	26/11/1995	Thanh Hóa	Giỏi
97	1301204	Phan Thị Thu Hương	Nữ	14/10/1994	Vĩnh Phú	Giỏi
98	1301215	Chu Huy Kiên	Nam	15/07/1995	Hà Tây	Giỏi
99	1301262	Phạm Đăng Lượng	Nam	07/06/1995	Ninh Bình	Giỏi
100	1301265	Trần Thị Lý	Nữ	30/08/1995	Hải Dương	Giỏi
101	1301302	Đường Thị Hồng Nhung	Nữ	02/09/1995	Bình Dương	Giỏi
102	1301428	Lưu Thị Quỳnh Trang	Nữ	08/08/1995	Thanh Hóa	Giỏi
103	1301299	Trần Thị Lan Nhi	Nữ	05/01/1995	Thanh Hóa	Giỏi
104	1301390	Quản Hữu Thế	Nam	16/10/1995	Thanh Hóa	Giỏi
105	1301490	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	13/03/1995	Bắc Ninh	Giỏi
106	1301020	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	01/06/1995	Nam Định	Giỏi
107	1301038	Trần Lan Chi	Nữ	09/01/1995	Hà Tây	Giỏi
108	1301103	Vũ Thị Giang	Nữ	17/03/1995	Bắc Ninh	Giỏi
109	1301195	Đoàn Lương Hưng	Nam	10/08/1995	Thái Nguyên	Giỏi
110	1301272	Vương Hùng Mạnh	Nam	11/11/1995	Hải Dương	Giỏi
111	1301310	Vũ Yến Như	Nữ	15/03/1995	Thái Bình	Giỏi
112	1301006	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	04/04/1995	Nam Định	Giỏi
113	1301010	Lê Thị Ngọc Anh	Nữ	24/12/1995	Bắc Ninh	Giỏi
114	1301290	Lê Thị Bảo Ngọc	Nữ	05/08/1995	Hải Dương	Giỏi
115	1301069	Lương Thùy Dương	Nữ	07/05/1995	Thái Bình	Khá
116	1301051	Ngô Thị Dịu	Nữ	08/06/1995	Nam Định	Khá
117	1301423	Đoàn Thanh Tôn	Nam	07/03/1995	Hải Dương	Khá
118	1301035	Bùi Phạm Ái Châu	Nữ	19/01/1995	Thanh Hóa	Khá
119	1301140	Đào Thị Thu Hiền	Nữ	11/07/1995	Hải Hưng	Khá
120	1301269	Trần Thị Quỳnh Mai	Nữ	25/12/1995	Thái Bình	Khá
121	1301115	Lê Đình Hào	Nam	14/01/1995	Hà Tây	Khá
122	1301304	Mai Thị Nhung	Nữ	05/12/1995	Thanh Hóa	Khá
123	1301002	Đặng Thị Vân Anh	Nữ	22/01/1995	Quảng Nam - Đà Nẵng	Khá
124	1301420	Nguyễn Phi Toàn	Nam	26/10/1994	Hà Nội	Khá
125	1301442	Vũ Sơn Trường	Nam	12/02/1995	Hưng Yên	Khá

22

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
126	1301159	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	04/08/1995	Bắc Ninh	Khá
127	1301238	Nguyễn Mỹ Linh	Nữ	12/10/1995	Vĩnh Phú	Khá
128	1301365	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	15/12/1995	Hải Dương	Khá
129	1301448	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	02/11/1995	Nghệ An	Khá
130	1301208	Hoàng Thu Hường	Nữ	06/02/1994	Lạng Sơn	Khá
131	1301039	Dương Văn Chung	Nam	25/08/1995	Thanh Hóa	Khá
132	1301293	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	04/08/1995	Bắc Ninh	Khá
133	1301123	Đặng Thị Hạnh	Nữ	05/08/1995	Hải Dương	Khá
134	1301230	Dương Thúy Linh	Nữ	13/06/1995	Hà Tĩnh	Khá
135	1301278	Quách Thái Minh	Nam	03/03/1995	Vĩnh Phú	Khá
136	1301426	Dương Thị Hà Trang	Nữ	04/06/1995	Bắc Ninh	Khá
137	1301255	Nguyễn Văn Long	Nam	12/06/1995	Vĩnh Phúc	Khá
138	1301009	Lê Thị Lan Anh	Nữ	06/09/1995	Nghệ An	Khá
139	1301017	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	08/01/1995	Hà Tây	Khá
140	1301034	Đỗ Mạnh Cầm	Nam	22/11/1995	Hà Nam	Khá
141	1301194	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	29/10/1995	Thái Bình	Khá
142	1301142	Trần Thanh Hiền	Nữ	28/12/1995	Thái Bình	Khá
143	1301483	Cao Thị Xuân	Nữ	19/10/1995	Hung Yên	Khá
144	1301419	Bùi Đình Toàn	Nam	20/08/1995	Thanh Hóa	Khá
145	1301043	Nghiêm Duy Cường	Nam	26/10/1995	Thanh Hóa	Khá
146	1301077	Nguyễn Vinh Dũng	Nam	08/08/1995	Hà Nội	Khá
147	1301339	Phạm Văn Phú	Nam	15/04/1995	Nam Định	Khá
148	1301314	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	20/11/1995	Thanh Hóa	Khá
149	1301369	Trần Công Thanh	Nam	05/02/1995	Hà Nam	Khá
150	1301453	Lý Thị Ngọc Tuyên	Nữ	01/09/1995	Cao Bằng	Khá
151	1301207	Vũ Mai Hương	Nữ	30/01/1995	Hà Nội	Khá
152	1301493	Nguyễn Bá Viên	Nam	20/04/1995	Thanh Hóa	Khá
153	1301041	Mai Thế Công	Nam	05/06/1994	Ninh Bình	Khá
154	1301184	Phạm Thị Huệ	Nữ	08/01/1995	Nam Định	Khá
155	1301486	Trần Thị Xuân	Nữ	05/02/1995	Nghệ An	Khá
156	1301344	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	26/03/1995	Hà Nội	Khá
157	1301110	Nguyễn Thu Hà	Nữ	16/08/1995	Hà Tây	Khá
158	1301474	Đặng Duy Việt	Nam	02/11/1995	Thái Bình	Khá
159	1301055	Lê Thị Hoàng Dung	Nữ	26/08/1995	Hà Tĩnh	Khá
160	1301151	Nguyễn Văn Hiệu	Nam	20/09/1995	Thái Bình	Khá
161	1301201	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	11/09/1995	Vĩnh Phú	Khá
162	1301349	Đỗ Ngọc Diễm Quỳnh	Nữ	04/11/1995	Hà Tây	Khá
163	1301407	Phan Thị Thúy	Nữ	19/05/1995	Hà Tĩnh	Khá
164	1301411	Phí Thuỷ Tiên	Nữ	19/04/1995	Quảng Ninh	Khá
165	1301418	Nguyễn Văn Tiệp	Nam	30/11/1995	Hải Dương	Khá
166	1301350	Đỗ Thị Như Quỳnh	Nữ	03/11/1995	Hà Tây	Khá
167	1301292	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	03/09/1995	Thanh Hóa	Khá
168	1301311	Nguyễn Thị Ninh	Nữ	28/07/1994	Thanh Hóa	Khá
169	1301410	Ngô Thị Thủy Tiên	Nữ	07/11/1995	Hải Hưng	Khá

26

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
170	1301261	Nguyễn Thị Kim Luận	Nữ	06/03/1995	Hưng Yên	Khá
171	1301308	Văn Thị Hồng Nhung	Nữ	20/02/1995	Tuyên Quang	Khá
172	1301096	Nguyễn Cao Đức	Nam	22/09/1995	Hải Dương	Khá
173	1301186	Đào Quang Huy	Nam	27/09/1995	Hà Tĩnh	Khá
174	1301477	Lê Văn Việt	Nam	31/05/1995	Hải Dương	Khá
175	1201092	Đinh Thị Thùy Dương	Nữ	10/05/1994	Đắk Lắk	Khá
176	1301089	Đặng Quang Đô	Nam	10/09/1995	Nghệ An	Khá
177	1301132	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	06/10/1995	Nam Định	Khá
178	1301234	Hứa Thùy Linh	Nữ	16/09/1994	Lạng Sơn	Khá
179	1301277	Phùng Nhật Minh	Nam	22/12/1995	Vĩnh Phú	Khá
180	1301367	Vũ Việt Tập	Nam	05/03/1995	Thái Bình	Khá
181	1301155	Lâm Thị Hoa	Nữ	10/02/1994	Vĩnh Phúc	Khá
182	1301363	Phạm Văn Sơn	Nam	25/12/1995	Hà Tĩnh	Khá
183	1301487	Nguyễn Hà Yên	Nữ	20/12/1995	Hà Nội	Khá
184	1301116	Bùi Hoàng Hải	Nam	16/04/1995	Hà Nội	Khá
185	1301270	An Duy Mạnh	Nam	21/05/1995	Hải Dương	Khá
186	1301309	Chu Thị Như	Nữ	10/07/1994	Cao Bằng	Khá
187	1301333	Lê Thị Phụng	Nữ	02/09/1995	Thanh Hóa	Khá
188	1301359	Nguyễn Tá Sơn	Nam	25/07/1995	Bắc Ninh	Khá
189	1301478	Nguyễn Quốc Việt	Nam	27/02/1995	Nam Định	Khá
190	1301154	Đỗ Thị Yến Hoa	Nữ	11/11/1995	Hà Nội	Khá
191	1201357	Nguyễn Thị Lương	Nữ	28/03/1993	Hải Hưng	Khá
192	1301289	Bùi Thị Bích Ngọc	Nữ	06/03/1995	Nam Định	Khá
193	1301295	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	21/10/1995	Hà Nội	Khá
194	1301320	Nguyễn Tuấn Phong	Nam	20/11/1995	Quảng Ninh	Khá
195	1301388	Nguyễn Đình Thắng	Nam	03/10/1995	Vĩnh Phúc	Khá
196	1301463	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	27/11/1995	Hà Nội	Khá
197	1301492	Vũ Thị Yến	Nữ	25/03/1995	Hải Dương	Khá
198	1301317	Đỗ Như Tiến Phát	Nam	31/05/1995	Thái Bình	Khá
199	1301033	Lê Đình Cảnh	Nam	20/03/1995	Thanh Hóa	Khá
200	1301143	Trương Thị Thuý Hiền	Nữ	22/08/1995	Thái Nguyên	Khá
201	1301415	Nguyễn Văn Tiến	Nam	15/01/1995	Vĩnh Phúc	Khá
202	1301088	Quách Thị Minh Diệp	Nữ	22/03/1995	Thái Nguyên	Khá
203	1301169	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	02/02/1995	Bắc Ninh	Khá
204	1301228	Bùi Thị Mai Linh	Nữ	21/05/1995	Nam Định	Khá
205	1301376	Đinh Thị Thảo	Nữ	16/08/1995	Ninh Bình	Khá
206	1301395	Dương Phước Thọ	Nam	09/10/1995	Vĩnh Phú	Khá
207	1301465	Nguyễn Đắc Tú	Nam	15/01/1995	Bắc Ninh	Khá
208	1301331	Nguyễn Minh Phương	Nữ	23/04/1995	Thanh Hóa	Khá
209	1301381	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	18/04/1995	Nghệ An	Khá
210	1301403	Vũ Thị Thanh Thủy	Nữ	03/12/1993	Bắc Giang	Khá
211	1301409	Hoàng Thủy Tiên	Nữ	03/11/1995	Hà Tĩnh	Khá
212	1301087	Lê Tiến Diệp	Nam	02/12/1995	Nam Định	Khá
213	1301432	Nông Thị Huyền Trang	Nữ	24/11/1994	Bắc Thái	Khá

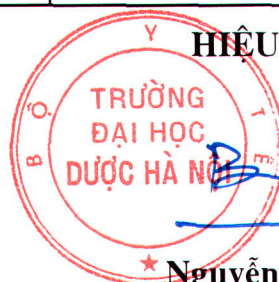
12

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
214	1301052	Lê Văn Du	Nam	09/01/1995	Nghệ An	Khá
215	1301121	Bùi Mỹ Hạnh	Nữ	14/01/1995	Hải Dương	Khá
216	1301128	Lê Minh Hằng	Nữ	05/09/1995	Thanh Hóa	Khá
217	1301172	Trần Bảo Hoàng	Nam	01/01/1995	Hưng Yên	Khá
218	1301127	Đặng Thị Hằng	Nữ	24/03/1995	Nam Định	Khá
219	1301135	Sa Thị Hằng	Nữ	26/10/1994	Sơn La	Khá
220	1301275	Nguyễn Đình Minh	Nam	08/03/1995	Thái Bình	Khá
221	1301389	Phan Chiến Thắng	Nam	14/06/1995	Nghệ An	Khá
222	1301003	Đinh Thị Vân Anh	Nữ	10/04/1995	Thái Bình	Khá
223	1301480	Bùi Tuấn Vũ	Nam	25/08/1995	Vĩnh Phú	Khá
224	1301161	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	10/11/1995	Bắc Ninh	Khá
225	1301182	Đỗ Thị Linh Huệ	Nữ	10/03/1995	Bắc Giang	Khá
226	1301327	Mai Văn Phương	Nam	17/11/1995	Thanh Hóa	Khá
227	1301124	Đinh Thị Hồng Hạnh	Nữ	22/01/1993	Thái Bình	Khá
228	1301221	Nguyễn Phương Lâm	Nữ	03/11/1994	Hải Dương	Khá
229	1301446	Ngô Thanh Tuấn	Nam	26/09/1995	Hà Nội	Khá
230	1301066	Biện Văn Dương	Nam	05/08/1995	Hà Tĩnh	Khá
231	1301130	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	28/02/1995	Nghệ An	Khá
232	1301257	Nguyễn Bảo Lộc	Nam	22/04/1995	Bắc Giang	Khá
233	1301427	Hoàng Thị Trang	Nữ	15/10/1994	Thanh Hóa	Khá
234	1301454	Trịnh Đình Tuyên	Nam	25/11/1995	Thanh Hóa	Khá
235	1301139	Tổng Cảnh Hậu	Nam	08/08/1995	Thanh Hóa	Khá
236	1301307	Nguyễn Thị Dung	Nữ	15/11/1994	Cao Bằng	Khá
237	1301072	Hoàng Thị Dưỡng	Nữ	24/02/1994	Hà Giang	Khá
238	1301271	Phùng Văn Mạnh	Nam	23/03/1995	Vĩnh Phú	Khá
239	1301053	Đào Văn Duẩn	Nam	01/11/1995	Thái Bình	Khá
240	1301098	Nguyễn Minh Đức	Nam	04/08/1995	Hà Tây	Khá
241	1301233	Hoàng Khánh Linh	Nữ	14/02/1995	Bắc Giang	Khá
242	1301461	Nguyễn Mạnh Tùng	Nam	02/04/1995	Ninh Bình	Khá
243	1301004	Đỗ Tuấn Anh	Nam	07/10/1995	Hải Dương	Khá
244	1301218	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	07/02/1995	Nam Định	Khá
245	1301239	Nguyễn Ngọc Linh	Nam	26/12/1995	Vĩnh Phú	Khá
246	1301060	Bùi Văn Duy	Nam	14/02/1995	Hà Tây	Khá
247	1301439	Nguyễn Văn Trung	Nam	12/01/1995	Thanh Hóa	Khá
248	1301086	Hoàng Khắc Điệp	Nam	12/05/1995	Thanh Hóa	Khá
249	1301173	Trần Huy Hoàng	Nam	19/01/1995	Thái Nguyên	Khá
250	1201512	Trịnh Văn Sang	Nam	21/01/1994	Nam Định	Khá
251	1301183	Hoàng Thị Huệ	Nữ	24/02/1995	Nam Định	Khá
252	1301237	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	09/04/1995	Ninh Bình	Khá
253	1301021	Trịnh Kiều Anh	Nữ	27/01/1995	Thanh Hóa	Khá
254	1301022	Vũ Phương Anh	Nữ	01/04/1994	Bắc Giang	Khá
255	1301188	Lê Văn Huy	Nam	08/05/1995	Thanh Hóa	Khá
256	1301330	Nguyễn Hữu Phương	Nam	07/09/1995	Bắc Ninh	Khá
257	1301356	Đoàn Thanh Sang	Nam	20/01/1995	Hà Tĩnh	Khá

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
258	1301357	Ketkesone SIBOUPHA	Nữ	11/01/1994	Lào	Khá
259	1301397	Bùi Văn Thuần	Nam	05/02/1995	Thanh Hóa	Khá
260	1301406	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	14/06/1994	Hà Tĩnh	Khá
261	1301435	Bùi Quang Trọng	Nam	15/06/1994	Hải Hưng	Khá
262	1301466	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	11/11/1995	Hà Nam	Khá
263	1301361	Phạm Anh Sơn	Nam	02/08/1995	Hải Dương	Khá
264	1301416	Trần Trọng Tiến	Nam	16/11/1995	Thanh Hóa	Khá
265	1301168	Nguyễn Tiến Hoàng	Nam	03/10/1995	Nghệ An	Khá
266	1301402	Vũ Thị Thùy	Nữ	13/06/1994	Thanh Hóa	Khá
267	1301107	Ma Thị Thu Hà	Nữ	12/08/1994	Tuyên Quang	Khá
268	1301319	Nguyễn Thạch Phong	Nam	27/09/1995	Bắc Giang	Khá
269	1301467	Nông Mạnh Tú	Nam	17/05/1994	Hà Giang	Khá
270	1301177	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	19/09/1995	Nam Định	Khá
271	1301447	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	19/12/1995	Thanh Hóa	Khá
272	1201234	Vũ Huy Hoàng	Nam	02/09/1994	Thái Bình	Khá
273	1301263	Lâu Lê Ly	Nữ	05/08/1994	Sơn La	Khá
274	1301362	Chea Sivmeiy	Nữ	02/02/1994	Campuchia	Khá
275	1301471	Hoàng Thùy Vân	Nữ	25/09/1994	Lạng Sơn	Khá
276	1301469	Hoàng Thị Tố Uyên	Nữ	04/09/1995	Nam Định	Trung bình
277	1301163	Lê Việt Hoàn	Nam	17/11/1995	Thanh Hóa	Trung bình
278	1301136	Thái Thị Thu Hằng	Nữ	08/08/1994	Sơn La	Trung bình
279	1301073	Bùi Trọng Dũng	Nam	05/12/1995	Nam Định	Trung bình
280	1301100	Phan Việt Đức	Nam	16/01/1995	Vĩnh Phúc	Trung bình
281	1301212	Nguyễn Tiến Hùng	Nam	01/05/1995	Hà Tĩnh	Trung bình
282	1301391	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	22/10/1995	Nghệ An	Trung bình
283	1301441	Lê Văn Trường	Nam	22/05/1995	Thanh Hóa	Trung bình
284	1301358	Kim Seyha	Nam	10/08/1993	Campuchia	Trung bình
285	1301223	Phạm Cao Lâm	Nam	06/04/1995	Hà Tây	Trung bình
286	1301430	Nguyễn Thị Trang	Nữ	16/04/1994	Nghệ An	Trung bình
287	1301379	Hồ Ngọc Thảo	Nam	18/07/1994	Thanh Hóa	Trung bình
288	1201070	Phan Thị Cúc	Nữ	17/05/1994	Hà Tĩnh	Trung bình
289	1301220	Đỗ Văn Lâm	Nam	29/12/1995	Hưng Yên	Trung bình
290	1301013	Nguyễn Cao Anh	Nam	25/11/1995	Thanh Hóa	Trung bình
291	1301225	Lộc Hoa Lê	Nữ	30/10/1995	Thanh Hóa	Trung bình
292	1301267	Khúc Quỳnh Mai	Nữ	28/08/1995	Hải Phòng	Trung bình
293	1301354	Võ Trọng Quý	Nam	27/06/1995	Hà Tĩnh	Trung bình
294	1301341	Đinh Hồng Phúc	Nam	20/10/1995	Hải Phòng	Trung bình
295	1301063	Lương Thị Duyên	Nữ	11/02/1994	Nghệ An	Trung bình
296	1301031	Trần Việt Bắc	Nam	28/02/1995	Vĩnh Phúc	Trung bình
297	1301046	Chork Chimy	Nam	25/05/1993	Campuchia	Trung bình
298	1301005	Hà Lan Anh	Nữ	05/11/1994	Thanh Hóa	Trung bình
299	1301028	Nguyễn Xuân Bảo	Nam	02/09/1995	Hà Tĩnh	Trung bình
300	1301222	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	25/04/1995	Hà Nam	Trung bình
301	1301366	Chu Văn Tài	Nam	11/08/1995	Vĩnh Phúc	Trung bình

28

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
302	1301266	Vừ A Ma	Nam	04/02/1993	Điện Biên	Trung bình
303	1301353	Phạm Như Quỳnh	Nữ	01/06/1994	Thanh Hóa	Trung bình
304	1301217	Nguyễn Văn Lam	Nam	25/04/1995	Hải Dương	Trung bình
305	1301179	Vũ Kim Huê	Nữ	27/03/1994	Lạng Sơn	Trung bình
306	1201376	Dương Văn Minh	Nam	22/04/1993	Bắc Thái	Trung bình



HIỆU TRƯỞNG *uk*

★ Nguyễn Thanh Bình